

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ

Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 43



CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Chương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Mai Lâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Hữu Thiết	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Đình Việt	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Hoàng Sơn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Hồ Quốc Phi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Đỗ Văn Thắng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2015

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Chương	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hồ Hữu Thiết	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2015

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Chương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 24 tháng 8 năm 2015, từ trang 3 đến trang 43. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ hạn chế trình bày sau đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là công ty liên kết của Công ty, với số tiền 38.511.628.581 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư với số tiền là 40.488.371.419 VND dựa trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Khoản này có điều chỉnh phần dự phòng giảm giá đầu tư ước tính trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị đầu tư và mệnh giá cổ phần của khoản đầu tư mà Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ với số tiền là 21.076.492.538 VND. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị chênh lệch cần phải điều chỉnh nói trên vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của



Đặng Chí Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0030-2013-001-1

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 24 tháng 8 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay “Deloitte Toàn cầu”) không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		631.146.668.546	619.922.362.334
I. Tiền	110		58.473.727.656	64.476.404.411
1. Tiền	111	5	58.473.727.656	64.476.404.411
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	42.000.000	42.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		346.000.000	346.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(304.000.000)	(304.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		548.705.326.142	533.104.730.497
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	81.702.539.201	72.135.021.102
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		19.333.486.877	26.175.930.855
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	17.650.000.000	11.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	469.158.009.739	462.294.567.756
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(39.138.709.675)	(39.150.789.216)
IV. Hàng tồn kho	140	11	10.391.064.954	9.545.815.949
1. Hàng tồn kho	141		10.391.064.954	9.545.815.949
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.534.549.794	12.753.411.477
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	10.761.772.933	9.795.427.870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	17	2.616.132.182	2.936.505.577
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	156.644.679	21.478.030
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.440.830.393.201	1.429.638.384.767
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		54.238.618.754	53.493.654.966
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	50.415.000.000	50.415.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	9	3.823.618.754	3.078.654.966
II. Tài sản cố định	220		1.072.016.172.828	1.060.798.108.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.060.425.431.012	1.008.114.084.280
- Nguyên giá	222		1.808.089.093.209	1.649.620.139.360
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(747.663.662.197)	(641.506.055.080)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	11.029.687.245	52.114.574.668
- Nguyên giá	225		15.497.045.445	84.524.098.608
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.467.358.200)	(32.409.523.940)
3. Tài sản cố định vô hình	227		561.054.571	569.449.405
- Nguyên giá	228		750.483.552	750.483.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(189.428.981)	(181.034.147)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	180.464.847.453	182.447.977.647
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(17.848.171.747)	(15.865.041.553)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		22.835.367.536	18.893.420.371
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		22.835.367.536	18.893.420.371
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	57.057.628.581	57.057.628.581
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		38.511.628.581	38.511.628.581
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		18.546.000.000	18.546.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		41.414.259.286	41.637.109.892
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	36.777.430.928	35.621.289.698
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.636.828.358	6.015.820.194
VII. Lợi thế thương mại	269	16	12.803.498.763	15.310.484.957
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.071.977.061.747	2.049.560.747.101

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
			(Trình bày lại)	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.528.768.833.764	1.488.025.046.589
I. Nợ ngắn hạn	310		511.177.262.809	476.002.306.510
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		24.573.716.153	22.105.299.343
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.445.625.740	1.738.342.618
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	10.137.741.831	17.149.673.151
4. Phải trả người lao động	314		15.460.286.824	20.783.362.875
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	10.847.944.319	13.744.174.630
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	79.406.119.959	79.050.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	150.906.063.215	144.607.121.216
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	210.733.275.342	175.373.207.373
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.666.489.426	1.451.125.304
II. Nợ dài hạn	330		1.017.591.570.955	1.012.022.740.079
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	18	1.176.888.803	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	20	755.372.714.226	716.693.531.409
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	259.436.368.949	294.553.313.565
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.605.598.977	775.895.105
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		543.208.227.983	561.535.700.512
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	543.208.227.983	561.535.700.512
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.253.320.000	486.253.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.253.320.000	486.253.320.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		32.800.676.811	27.800.676.811
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.402.598.160	50.291.182.049
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước/ năm trước	421a		14.217.891.984	35.360.100.834
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		12.184.706.176	14.931.081.215
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		10.351.633.012	9.790.521.652
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.071.977.061.747	2.049.560.747.101

Nguyễn Phương Thơm
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Trịnh Thị Thu
 Kế toán trưởng

Hồ Chương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam


Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015


MẪU SỐ B 02a-DN/HN



Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2015	Từ ngày 01/01/2014
			đến ngày 30/6/2015	đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	574.523.460.425	568.007.753.387
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.860.035.715	1.996.426.290
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		572.663.424.710	566.011.327.097
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	499.517.573.803	488.235.175.644
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		73.145.850.907	77.776.151.453
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	7.985.500.516	6.534.909.317
7. Chi phí tài chính	22	28	27.061.555.712	36.387.070.255
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.060.501.712	36.160.399.933
8. Chi phí bán hàng	25		16.435.187.270	14.227.699.896
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		41.960.725.802	43.771.332.974
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(4.326.117.361)	(10.075.042.355)
11. Thu nhập khác	31	29	27.204.914.033	35.203.391.670
12. Chi phí khác	32		2.756.895.382	2.338.252.641
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		24.448.018.651	32.865.139.029
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20.121.901.290	22.790.096.674
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	5.656.152.056	6.980.830.007
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	30	1.576.400.931	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.889.348.303	15.809.266.667
17.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		12.184.706.176	14.931.081.215
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		704.642.127	878.185.452
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31		266


Nguyễn Phương Thơm
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015


Trịnh Thị Thu
Kế toán trưởng



Hồ Chương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.121.901.290	22.790.096.674
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	137.936.597.035	120.444.681.220
Các khoản dự phòng	03	-	4.524.340.305
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(16.808.079.949)	(14.146.906.889)
Chi phí lãi vay	06	27.060.501.712	36.160.399.933
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	168.310.920.088	169.772.611.243
(Tăng) các khoản phải thu	09	(15.634.738.045)	(22.623.762.257)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(845.249.005)	(17.573.914.765)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	21.855.920.625	135.454.091.267
(Tăng) chi phí trả trước	12	(2.122.486.293)	(1.096.998.379)
Tiền lãi vay đã trả	14	(26.439.503.880)	(35.869.594.416)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.348.186.007)	(12.034.285.637)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	354.515.795	308.595.662
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.952.735.548)	(12.497.863.885)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	129.178.457.730	203.838.878.833
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(187.709.096.829)	(100.872.698.156)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	47.925.183.975	36.116.857.294
3. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.985.500.516	5.182.888.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(131.798.412.338)	(59.572.952.642)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	164.086.147.083	128.229.029.924
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(139.986.113.422)	(226.769.570.898)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(23.856.910.308)	(8.551.604.887)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.625.845.500)	(21.770.750)
5. Vốn góp của các cổ đông thiểu số vào các công ty con		-	950.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.382.722.147)	(106.163.916.611)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(6.002.676.755)	38.102.009.580
Tiền đầu kỳ	60	64.476.404.411	21.365.826.161
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	58.473.727.656	59.467.835.741

Nguyễn Phương Thơm
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015

Trịnh Thị Thu
 Kế toán trưởng

Hồ Chương
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 43 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014 là 486.253.320.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 7.146 (31 tháng 12 năm 2014: 6.615).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Giáo dục khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn, chuyên doanh khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ (Thành phố Hà Nội) tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (Thành phố Hà Nội) tại số 192 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Nhuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

<u>Công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An	Tỉnh Nghệ An	93%	93%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	96%	96%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	29,48%	Dịch vụ taxi

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 202”), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày lập báo cáo. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 09
Xe hợp tác kinh doanh	06 - 09
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>
	(Số năm)
Phương tiện vận tải	06 - 09

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và lô đất tại phường An Lạc, quận Tân Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm:

Chi phí thuê nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền 51.636.363.636 VND. Chi phí thuê nhãn hiệu trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ phát sinh lũy kể đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 do khả năng có lãi trong các năm tiếp theo để bù đắp là không chắc chắn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.021.046.854	436.723.241
Tiền gửi ngân hàng	55.452.680.802	64.039.681.170
	<u>58.473.727.656</u>	<u>64.476.404.411</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHIXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a. Chứng khoán kinh doanh				
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	38.511.628.581	-	38.511.628.581	-
b2) Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	18.546.000.000	-	18.546.000.000	-
Công ty Cổ phần Dầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long	16.626.000.000	-	16.626.000.000	-
	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-

	Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014

b3) Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong kỳ
 Công ty liên kết
 Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (*)

Lỗ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết	Giá trị đầu tư tại ngày 30/6/2015	Hoạt động chính
VND				
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	79.000.000.000	Dịch vụ taxi
			79.000.000.000	

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là công ty liên kết của Công ty với số tiền 38.511.628.581 VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư với số tiền là 40.488.371.419 VND dựa trên báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Khoản này có điều chỉnh phần dự phòng giảm giá đầu tư ước tính trên cơ sở chênh lệch giữa giá trị đầu tư và mệnh giá cổ phần của khoản đầu tư mà Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ với số tiền là 21.076.492.538 VND.

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần điều chỉnh nếu có cho khoản đầu tư nêu trên.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 33 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán làm cơ sở đánh giá nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland	23.715.000.000	23.715.000.000
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam	5.868.000.000	14.700.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	2.500.000.000	1.280.000.000
Công ty TNHH Gia Định Taxi	2.832.548.389	65.161.290
Các khách hàng khác	46.786.990.812	32.374.859.812
	81.702.539.201	72.135.021.102
Trong đó		
Các khoản phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 33)	2.500.000.000	1.280.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	8.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	2.500.000.000
	17.650.000.000	11.650.000.000
b. Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
Vay cá nhân dài hạn	2.200.000.000	2.200.000.000
	50.415.000.000	50.415.000.000

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	(Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu các đơn vị trong cùng tập đoàn Mai Linh (i)	289.231.108.662	251.571.742.962
- Phải thu về khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương (ii)	64.000.000.000	64.000.000.000
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh	65.565.117.039	85.858.498.876
- Phải thu người lao động	5.680.543.320	2.988.297.874
- Tạm ứng	7.264.974.880	8.880.485.103
- Ký cược, ký quỹ	2.098.154.134	2.132.296.534
- Phải thu thuế GTGT được khấu trừ từ tài sản thuê tài chính	768.988.025	1.649.506.654
- Phải thu khác	34.549.123.679	45.213.739.753
	469.158.009.739	462.294.567.756
b. Dài hạn		
- Ký cược, ký quỹ	3.823.618.754	3.078.654.966
	3.823.618.754	3.078.654.966

- (i) Số phải thu các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ nhờ thu hộ tiền thẻ taxi MCC và các nghiệp vụ mua bán tài sản cố định, vật tư, sửa chữa...
- (ii) Phản ánh khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương do khoản đầu tư này đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, theo các điều khoản của hợp đồng, giao dịch chuyển nhượng này chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng trong 6 tháng cuối năm 2015, giao dịch chuyển nhượng sẽ được hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. NỢ XẤU

Đối tượng	30/6/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	21.061.108.556	185.559.147	20.947.108.556	71.559.147
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	185.559.147	185.559.147	71.559.147	71.559.147
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	20.875.549.409	-	20.875.549.409	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	10.348.517.070	814.370.761	10.053.068.504	518.922.195
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	814.370.761	814.370.761	518.922.195	518.922.195
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	9.534.146.309	-	9.534.146.309	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	1.495.149.910	4.983.833.034	1.495.149.910
- Quá hạn thanh toán 2 năm đến 3 năm	4.983.833.034	1.495.149.910	4.983.833.034	1.495.149.910
Đối tượng khác	10.392.242.520	5.151.911.687	10.385.392.691	5.132.982.317
	46.785.701.180	7.646.991.505	46.369.402.785	7.218.613.569

11. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Hàng mua đi đường	-	7.246.660
Nguyên vật liệu	7.620.373.445	6.023.262.261
Công cụ dụng cụ	543.982.197	1.037.806.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	183.990.401	305.147.879
Thành phẩm	1.358.158.273	1.364.656.110
Hàng hóa	61.294.860	191.428.321
Hàng gửi bán	623.265.778	616.267.897
	10.391.064.954	9.545.815.949

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm rủi ro tài sản	5.258.992.236	5.481.708.465
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.502.780.697	4.313.719.405
	10.761.772.933	9.795.427.870
b) Dài hạn		
Chi phí thuê nhân hiệu	22.098.484.845	23.819.696.966
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, công cụ dụng cụ	4.798.273.363	5.946.259.518
Chi phí trả trước dài hạn khác	9.880.672.720	5.855.333.214
	36.777.430.928	35.621.289.698

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỄN BÁC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I3. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Xe hợp tác kinh doanh	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2015	35.516.225.573	2.258.647.252	911.256.968.439	697.340.715.914	2.284.235.828	963.346.354	1.649.620.139.360
Mua sắm mới	-	-	180.137.217.779	3.588.498.249	41.433.636	-	183.767.149.664
Phân loại lại tài sản cố định thuế tài chính	-	-	61.932.167.299	-	-	-	61.932.167.299
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(119.391.521.993)	119.391.521.993	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(43.778.959.675)	(43.778.959.675)	-	-	(87.230.363.114)
Tại ngày 30/6/2015	35.516.225.573	2.258.647.252	990.483.428.085	776.541.776.481	2.325.669.464	963.346.354	1.808.089.093.209
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ							
Tại ngày 01/01/2015	9.830.545.268	2.175.057.989	273.966.828.358	353.316.422.719	1.789.967.368	427.233.378	641.506.055.080
Trích khấu hao trong kỳ	986.588.585	63.508.907	80.453.601.749	46.062.402.631	127.744.758	70.955.891	127.764.802.521
Phân loại lại tài sản cố định thuế tài chính	-	-	30.748.394.802	-	-	-	30.748.394.802
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(50.392.061.789)	50.392.061.789	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(22.473.554.273)	(29.882.035.933)	-	-	(52.355.590.206)
Tại ngày 30/6/2015	10.817.133.853	2.238.566.896	312.303.208.847	419.888.851.206	1.917.712.126	498.189.269	747.663.662.197

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 30/6/2015	24.699.091.720	20.080.356	678.180.219.238	356.652.925.275	407.957.338	465.157.085	1.060.425.431.012
Tại ngày 31/12/2014	25.685.680.305	83.589.263	637.290.140.081	344.024.293.195	494.268.460	536.112.976	1.008.114.084.280

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 957.321.703.630 VND (31 tháng 12 năm 2014: 681.942.378.039 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 10.334.079.750 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 30.658.115.087 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	<u>Phương tiện vận tải</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	84.524.098.608
Chuyển sang TSCĐHH	(61.932.167.299)
Thanh lý, nhượng bán	(7.094.885.864)
Tại ngày 30/6/2015	<u>15.497.045.445</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	32.409.523.940
Trích khấu hao trong kỳ	5.673.283.292
Chuyển sang TSCĐHH	(30.748.394.802)
Thanh lý, nhượng bán	(2.867.054.230)
Tại ngày 30/6/2015	<u>4.467.358.200</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2015	<u>11.029.687.245</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>52.114.574.668</u>

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ**

	<u>Nhà xưởng</u>
	<u>và quyền sử dụng đất</u>
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	198.313.019.200
Tại ngày 30/6/2015	<u>198.313.019.200</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	15.865.041.553
Trích khấu hao trong kỳ	1.983.130.194
Tại ngày 30/6/2015	<u>17.848.171.747</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2015	<u>180.464.847.453</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>182.447.977.647</u>

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là khoảng 180.464.847.453 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 182.447.977.647 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HH**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (Tiếp theo)**BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ (Tiếp theo)***Danh mục chi tiết BĐS đầu tư*

	Giá trị còn lại	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, TP. Hồ Chí Minh	58.920.333.453	59.567.809.647
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	121.544.514.000	122.880.168.000
	180.464.847.453	182.447.977.647

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	65.196.565.000
Tại ngày 30/6/2015	65.196.565.000
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	49.886.080.043
Trích khấu hao trong kỳ	2.506.986.194
Tại ngày 30/6/2015	52.393.066.237
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/6/2015	12.803.498.763
Tại ngày 31/12/2014	15.310.484.957

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	31/12/2014	Phát sinh trong kỳ		30/6/2015
		Số phải nộp	Số đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.936.505.577	2.347.477.945	2.027.104.550	2.616.132.182
- Thuế GTGT đầu ra	2.936.505.577	2.347.477.945	2.027.104.550	2.616.132.182
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.478.030	11.316.951	136.912.868	147.073.947
Các loại thuế khác	-	-	9.570.732	9.570.732
Thuế khác	-	-	9.570.732	9.570.732
Cộng	2.957.983.607	2.358.794.896	2.173.588.150	2.772.776.861
b) Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	3.353.174.257	23.183.151.715	20.993.091.292	5.543.234.680
- Thuế GTGT đầu ra	3.353.174.257	23.183.151.715	20.993.091.292	5.543.234.680
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.103.436.812	5.656.152.056	14.348.186.007	3.411.402.861
Các loại thuế khác	1.693.062.082	4.596.667.278	5.106.625.070	1.183.104.290
Thuế thu nhập cá nhân	1.301.456.527	667.462.112	1.184.631.679	784.286.960
Thuế khác	391.605.555	3.929.205.166	3.921.993.391	398.817.330
Cộng	17.149.673.151	33.435.971.049	40.447.902.369	10.137.741.831

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	4.820.738.854	5.752.671.822
Trích trước chi phí tiền lương	4.322.300.632	4.781.057.965
Các khoản khác	1.704.904.833	3.210.444.843
	10.847.944.319	13.744.174.630
b) Dài hạn		
Lãi vay phải trả	310.935.136	-
Các khoản khác	865.953.667	-
	1.176.888.803	-

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Doanh thu nhận trước (i)	79.050.000.000	79.050.000.000
Các khoản khác	356.119.959	-
	79.406.119.959	79.050.000.000

- (i) Doanh thu chưa thực hiện của Công ty bao gồm khoản tiền nhận trước và khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland với số tiền lần lượt là 55.335.000.000 VND và 23.715.000.000 VND từ việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Telin Vạn Hương theo hợp đồng chuyển nhượng ngày 22 tháng 4 năm 2014. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, theo các điều khoản của hợp đồng, giao dịch chuyển nhượng này chưa hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả các đơn vị khác trong Tập đoàn	15.180.823.428	33.820.949.588
Các khoản thu chi hộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	38.530.572.088	31.442.753.219
Phải trả cổ tức	33.767.697.940	14.970.877.440
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	22.724.678.762	21.144.726.729
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	13.822.799.857	6.767.531.155
Phải trả thẻ MCC	5.015.234.849	5.453.206.259
Nhà thầu cung cấp cho TeLin Vạn Hương	2.539.526.661	2.755.318.661
Bảo hiểm xã hội, y tế	5.629.137.974	3.276.715.462
Khác	13.695.591.656	24.975.042.703
	<u>150.906.063.215</u>	<u>144.607.121.216</u>
b) Dài hạn		
Góp vốn xe hợp tác kinh doanh (i)	699.213.304.679	657.550.036.864
Khách hàng đặt cọc mở thẻ MCC, thuê xe	10.635.037.432	14.379.398.246
Đặt cọc của lái xe	45.524.372.115	44.764.096.299
	<u>755.372.714.226</u>	<u>716.693.531.409</u>

- (i) Phản ánh số tiền nhận góp vốn dài hạn từ bên tham gia hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi trên xe hợp tác kinh doanh. Số tiền này sẽ được trừ dần với phí sử dụng tài sản theo quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LINH MIỀN BẮC
 Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (i)	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	10.013.173.134	10.013.173.134	47.269.061.509	12.794.901.479	44.487.333.164	44.487.333.164
Nợ dài hạn ngắn hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	143.983.149.179	143.983.149.179	74.771.543.582	89.948.943.812	128.805.748.949	128.805.748.949
Nợ dài hạn cá nhân đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	7.588.729.900	7.588.729.900	28.721.121.821	1.349.258.500	34.960.593.221	34.960.593.221
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	13.788.155.160	13.788.155.160	1.239.800.004	12.548.355.156	2.479.600.008	2.479.600.008
	175.373.207.373	175.373.207.373	152.001.526.916	116.641.458.947	210.733.275.342	210.733.275.342

(i) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay cá nhân có thời hạn dưới 12 tháng, lãi suất từ 0,62% đến 1,34%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong kỳ		30/6/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng (*)	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	350.505.116.361	350.505.116.361	205.725.529.582	199.089.178.135	357.141.467.808	357.141.467.808
Vay dài hạn cá nhân (**)	81.443.708.002	81.443.708.002	42.383.602.764	61.278.834.101	62.548.476.665	62.548.476.665
Nợ thuế tài chính dài hạn (***)	27.964.523.441	27.964.523.441	-	21.972.156.787	5.992.366.654	5.992.366.654
Cộng	459.913.347.804	459.913.347.804	248.109.132.346	282.340.169.023	425.682.311.127	425.682.311.127
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	165.360.034.239				166.245.942.178	
Số phải trả sau 12 tháng	294.553.313.565				259.436.368.949	

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(*) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (i)	9.697.233.327	6.249.113.329
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh (ii)	18.465.000.000	22.035.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	7.598.920.000	13.885.566.568
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 (iii)	15.281.584.000	14.018.859.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (iv)	36.417.956.522	41.627.956.522
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	4.442.020.033
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	-	506.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh (v)	41.430.486.000	38.765.015.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (vi)	15.831.547.200	23.136.282.100
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (vii)	17.234.921.054	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	10.140.000.000	14.010.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	11.896.600.000	14.259.720.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (viii)	15.985.200.000	15.270.100.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- Chi nhánh Thanh Hóa (ix)	17.812.000.000	11.124.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Thanh Hóa	11.540.000.000	15.399.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng	14.432.239.000	6.919.215.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương	11.725.000.000	6.593.325.000
Khác (x)	101.652.780.705	102.263.943.809
	357.141.467.808	350.505.116.361

Các khoản vay ngân hàng cho mục đích mua tài sản cố định và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ khoản vay. Cụ thể các khoản vay trọng yếu như sau:

- (i) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2015/231/HĐTD ngày 11 tháng 02 năm 2015 có thời hạn 04 năm 03 tháng với tổng hạn mức là 4.830.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 48 kỳ, mỗi kỳ 100.000.000 VND vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 20 xe Hyundai Grand i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 6.509.000.007 VND (xem Thuyết minh số 13).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09a-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng theo Hợp đồng số 01/2014/HĐTĐTH ngày 15 tháng 01 năm 2014 có thời hạn 04 năm 03 tháng với tổng hạn mức là 16.870.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 04 năm vào ngày 25 hàng tháng, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 50 xe Nissan Sunny hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 7.582.036.365 VND (xem Thuyết minh số 13).

- (ii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Vạn Hạnh theo Hợp đồng 001511/HĐTĐTH/DN ngày 28 tháng 01 năm 2011 có thời hạn 84 tháng với tổng hạn mức là 50.000.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 29 tháng 01 năm 2011 đến ngày 28 tháng 12 năm 2016. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được trả hàng quý. Công ty sử dụng toàn bộ bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 180.464.847.453 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 182.447.977.647 VND) để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 15).
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 theo Hợp đồng số 01/2014/231/HĐTĐTH ngày 10 tháng 12 năm 2014 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức là 16.905.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả gốc trong 16 kỳ vào ngày 25 của tháng 3,6,9,12 hàng năm, kỳ cuối thanh toán số gốc còn lại. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 cộng biên độ 3,5%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Tài sản đảm bảo là 70 xe Hyundai i10 hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 22.436.325.781 VND (xem Thuyết minh số 13).
- (iv) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm từ ngày 19 tháng 11 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 có thời hạn từ 48 đến 54 tháng với tổng hạn mức là 30.500.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 26 tháng 11 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 56.300.604.580 VND (xem Thuyết minh số 13).
- (v) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh từ ngày 11 tháng 4 năm 2013 đến ngày 15 tháng 8 năm 2019 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức là 55.706.371.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 11 tháng 7 năm 2013 đến ngày 15 tháng 8 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).
- (vi) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An từ ngày 02 tháng 8 năm 2012 đến ngày 13 tháng 2 năm 2020 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức là 23.581.323.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 02 tháng 11 năm 2012 đến ngày 13 tháng 2 năm 2020. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

- (vii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng HDD001/2015 từ ngày 30 tháng 01 năm 2015 đến ngày 06 tháng 12 năm 2020 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức là 17.776.500.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 30 tháng 4 năm 2015 đến ngày 06 tháng 12 năm 2020. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).
- (viii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình từ 03 tháng 11 năm 2011 đến 06 tháng 02 năm 2019 có thời hạn từ 48 đến 52 tháng với tổng hạn mức là 31.000.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 03 tháng 02 năm 2012 đến ngày 06 tháng 02 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi 3 tháng điều chỉnh 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).
- (ix) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa từ ngày 21 tháng 12 năm 2009 đến ngày 01 tháng 11 năm 2019 có thời hạn từ 46 đến 66 tháng với tổng hạn mức là 33.400.000.000 VND. Khoản vay này sẽ được trả làm nhiều lần bắt đầu từ ngày 21 tháng 3 năm 2009 đến ngày 01 tháng 11 năm 2019. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).
- (x) Các khoản vay khác có thời hạn từ 36 đến 60 tháng, lãi suất dao động theo từng ngân hàng, thả nổi có điều chỉnh hoặc thay đổi theo từng lần rút vốn. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho những khoản vay này (xem Thuyết minh số 13).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	128.805.748.949	143.983.149.179
Trong năm thứ hai	127.677.805.529	142.498.152.399
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	100.657.913.330	64.023.814.783
	<u>357.141.467.808</u>	<u>350.505.116.361</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (<i>được trình bày ở phần nợ ngắn hạn</i>)	128.805.748.949	143.983.149.179
Số phải trả sau 12 tháng	<u>228.335.718.859</u>	<u>206.521.967.182</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)

(**) Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ có thời hạn từ 12 đến 24 tháng, lãi suất từ 0,62%/tháng đến 0,93%/tháng, không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay cá nhân dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	34.960.593.221	7.588.729.900
Trong năm thứ hai	27.587.883.444	26.069.851.980
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	47.785.126.122
	62.548.476.665	81.443.708.002
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	34.960.593.221	7.588.729.900
Số phải trả sau 12 tháng	27.587.883.444	73.854.978.102

(***) Thông tin chi tiết các khoản nợ dài hạn thuê tài chính của Công ty như sau:

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Nợ dài hạn thuê tài chính		
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (i)	5.992.366.654	7.232.166.650
Công ty cho thuê Tài chính TNHH MTV- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	20.732.356.791
	5.992.366.654	27.964.523.441

- (i) Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam từ ngày 05 tháng 11 năm 2012 đến ngày 05 tháng 11 năm 2017 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 12.398.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất cho thuê cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần.

Các khoản nợ dài hạn thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	
	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính		
Trong vòng một năm	2.479.600.008	13.788.155.160
Trong năm thứ hai	3.512.766.646	11.903.401.639
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	2.272.966.642
	5.992.366.654	27.964.523.441
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	2.479.600.008	13.788.155.160
Số phải trả sau 12 tháng	3.512.766.646	14.176.368.281

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	9.222.151.190	3.711.557.266	47.914.173.807	10.055.074.550	544.556.276.813
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	950.000.000	950.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	47.116.440.503	1.431.711.290	48.548.151.793
Tăng khác	-	-	-	-	1.001.981.717	(1.585.190.476)	(583.208.759)
Trích lập các quỹ	-	-	4.955.656.118	9.911.312.237	(14.866.968.355)	(204.751.734)	(204.751.734)
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(4.928.279.911)	-	(4.928.279.911)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(23.682.666.000)	-	(23.682.666.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(2.263.499.712)	(856.321.978)	(3.119.821.690)
Số dư tại ngày 31/12/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	14.177.807.308	13.622.869.503	50.291.182.049	9.790.521.652	561.535.700.512
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	13.622.869.503	(13.622.869.503)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 như được trình bày lại	486.253.320.000	(12.600.000.000)	27.800.676.811	-	50.291.182.049	9.790.521.652	561.535.700.512
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	12.184.706.176	704.642.127	12.889.348.303
Trích lập các quỹ (i)	-	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-	-
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(7.287.969.233)	(143.530.767)	(7.431.500.000)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(23.682.666.000)	-	(23.682.666.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(102.654.832)	-	(102.654.832)
Số dư tại ngày 30/6/2015	486.253.320.000	(12.600.000.000)	32.800.676.811	-	26.402.598.160	10.351.633.012	543.208.227.983

(i) Ngày 16 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã có Nghị quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận trên báo cáo hợp nhất của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MÃU SỐ B 09a-DN/HN**23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư		Quỹ dự phòng	Lợi nhuận		Lợi ích cổ đông	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	VND		phát triển	VND		chưa phân phối	VND		
Số dư tại ngày 01/01/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	-	9.222.151.190	3.711.557.266	47.914.173.807	10.055.074.550	544.556.276.813		
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	950.000.000	950.000.000		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	47.116.440.503	1.431.711.290	48.548.151.793		
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.001.981.717	(1.585.190.476)	(583.208.759)		
Trích lập các quỹ	-	-	-	4.955.656.118	9.911.312.237	(14.866.968.355)	(204.751.734)	(204.751.734)		
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(4.928.279.911)	-	(4.928.279.911)		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(23.682.666.000)	-	(23.682.666.000)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.263.499.712)	(856.321.978)	(3.119.821.690)		
Số dư tại ngày 31/12/2014	486.253.320.000	(12.600.000.000)	-	14.177.807.308	13.622.869.503	50.291.182.049	9.790.521.652	561.535.700.512		
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	13.622.869.503	(13.622.869.503)	-	-	-		
Số dư tại ngày 01/01/2015 như	486.253.320.000	(12.600.000.000)	-	27.800.676.811	-	50.291.182.049	9.790.521.652	561.535.700.512		
được trình bày lại	-	-	-	-	-	12.184.706.176	704.642.127	12.889.348.303		
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	-	-		
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	5.000.000.000	-	(7.287.969.233)	(143.530.767)	(7.431.500.000)		
Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	-	(23.682.666.000)	-	(23.682.666.000)		
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(102.654.832)	-	(102.654.832)		
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-		
Số dư tại ngày 30/6/2015	486.253.320.000	(12.600.000.000)	-	32.800.676.811	-	26.402.598.160	10.351.633.012	543.208.227.983		

(i) Ngày 16 tháng 4 năm 2015, Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã có Nghị quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận trên báo cáo hợp nhất của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**Vốn điều lệ:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 486.253.320.000 VND.

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Cổ đông sáng lập	345.315.170.000	71,02%	345.315.170.000	71,02%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	232.697.260.000	47,86%	232.697.260.000	47,86%
Ông Hồ Huy	54.319.510.000	11,17%	54.319.510.000	11,17%
Ông Hồ Chương	49.658.400.000	10,21%	49.658.400.000	10,21%
Bà Hồ Thị Phương	8.640.000.000	1,78%	8.640.000.000	1,78%
Các cổ đông khác	128.338.150.000	26,39%	128.338.150.000	26,39%
Cổ phiếu quỹ	12.600.000.000	2,59%	12.600.000.000	2,59%
	486.253.320.000	100,00%	486.253.320.000	100,00%

	30/6/2015	31/12/2014
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	48.625.332	48.625.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	1.260.000	1.260.000
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	47.365.332	47.365.332
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Nghị quyết số 01/2014/NQ-DHDCD ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014. Tổng số lượng cổ phiếu dự định phát hành là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 686.253.320.000 VND. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	450.479.963.129	434.252.370.029
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	9.144.640.251	6.030.096.131
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	7.953.088.780	4.796.787.261
Doanh thu nhượng bán tài sản, vật tư	45.690.388.080	56.520.874.633
Doanh thu cho thuê tài sản	5.267.256.669	17.911.138.648
Doanh thu dịch vụ khác	55.988.123.516	48.496.486.685
	574.523.460.425	568.007.753.387
Các khoản giảm trừ doanh thu		
a. Chiết khấu thương mại	1.860.035.715	1.996.426.290
	1.860.035.715	1.996.426.290

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí dịch vụ taxi	402.520.011.185	382.647.241.107
Chi phí dịch vụ xe cho thuê	7.314.499.442	3.609.634.995
Chi phí dịch vụ sửa chữa	6.029.451.679	4.010.325.272
Chi phí nhượng bán tài sản, vật tư	42.903.648.740	56.073.222.254
Chi phí cho thuê tài sản	3.825.233.740	15.377.623.151
Chi phí dịch vụ khác	36.924.729.017	26.517.128.865
	499.517.573.803	488.235.175.644

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.127.326.889	135.571.875.629
Chi phí nhân công	201.470.887.108	176.430.113.629
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.936.597.035	115.207.064.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.908.807.434	46.335.918.741
Chi phí khác bằng tiền	16.727.024.994	22.564.492.559
Chi phí dự phòng	-	4.336.143.597
	515.170.643.460	500.445.608.987

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.679.642.300	5.182.888.220
Khác	5.305.858.216	1.352.021.097
	7.985.500.516	6.534.909.317

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay, thuê tài chính	27.060.501.712	36.160.399.933
Khác	1.054.000	226.670.322
	27.061.555.712	36.387.070.255

29. THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	8.822.579.433	8.964.018.669
- <i>Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</i>	47.925.183.975	36.116.857.294
- <i>Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ</i>	39.102.604.542	27.152.838.625
Thu phí quản lý từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.061.428.673	3.248.745.747
Các khoản khác	16.320.905.927	22.990.627.254
	27.204.914.033	35.203.391.670

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	20.121.901.290	22.790.096.674
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	5.593.519.433	9.092.238.018
Lỗ tại các công ty con	-	5.837.751.824
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	2.506.986.194	3.254.486.194
Các khoản chênh lệch tạm thời	2.348.461.255	-
Các chi phí không được trừ	738.071.984	-
Thu nhập chịu thuế	25.715.420.723	31.882.334.692
Thu nhập chịu thuế suất 25%	-	-
Thu nhập chịu thuế suất 22%	25.653.395.638	30.279.571.059
Thu nhập chịu thuế suất 20%	62.025.085	1.602.763.633
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.656.152.056	6.982.058.360
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(1.228.353)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.656.152.056	6.980.830.007
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	1.576.400.931	-
	7.232.552.987	6.980.830.007

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	12.184.706.176	14.931.081.215
- Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	1.800.899.573	2.309.539.077
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	10.383.806.603	12.621.542.138
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phần)	47.365.332	47.365.332
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	219	266

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22 trừ đi tiền) và phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro vốn (Tiếp theo)***Hệ số đòn bẩy tài chính (Tiếp theo)*

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	470.169.644.291	469.926.520.938
Trừ: Tiền	58.473.727.656	64.476.404.411
Nợ thuần	411.695.916.635	405.450.116.527
Vốn chủ sở hữu	<u>543.208.227.983</u>	<u>561.535.700.512</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,76</u>	<u>0,72</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	58.473.727.656	64.476.404.411
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000	42.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	482.650.204.789	462.978.252.067
Tài sản tài chính khác	68.065.000.000	62.065.000.000
	<u>609.230.932.445</u>	<u>589.561.656.478</u>

Công nợ tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính	470.169.644.291	469.926.520.938
Phải trả người bán và phải trả khác	131.913.579.269	149.658.181.753
Chi phí phải trả	10.847.944.319	13.744.174.630
	<u>612.931.167.879</u>	<u>633.328.877.321</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2015	31/12/2014	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	349.456.168	262.856.448

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lãi trước thuế trong năm của Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	34.945.617	26.285.645

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng 7.262.676.689 VND (kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014: 6.047.287.024 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Rủi ro thị trường (Tiếp theo)******Độ nhạy của lãi suất (Tiếp theo)***

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế VND
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2015		
VND	+200	(7.262.676.689)
VND	-200	7.262.676.689
Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2014		
VND	+200	(6.047.287.024)
VND	-200	6.047.287.024

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tình không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 33).

Ngoài ra, Công ty còn một số khoản phải thu liên quan đến trả trước cho người bán và phải thu khác lâu ngày nhưng chưa thu hồi tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 với số tiền là 46.785.701.180 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 46.369.402.785 VND).

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên đồng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	58.473.727.656	-	58.473.727.656
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000	-	42.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	478.826.586.035	3.823.618.754	482.650.204.789
Tài sản tài chính khác	17.650.000.000	50.415.000.000	68.065.000.000
Tổng cộng	554.992.313.691	54.238.618.754	609.230.932.445

30/6/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	210.733.275.342	259.436.368.949	470.169.644.291
Phải trả người bán và phải trả khác	75.754.169.722	56.159.409.547	131.913.579.269
Chi phí phải trả	10.847.944.319	-	10.847.944.319
Tổng cộng	297.335.389.383	315.595.778.496	612.931.167.879

Chênh lệch thanh khoản thuần	257.656.924.308	(261.357.159.742)	(3.700.235.434)
-------------------------------------	------------------------	--------------------------	------------------------

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền	64.476.404.411	-	64.476.404.411
Đầu tư tài chính ngắn hạn	42.000.000	-	42.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	459.899.597.101	3.078.654.966	462.978.252.067
Tài sản tài chính khác	11.650.000.000	50.415.000.000	62.065.000.000
Tổng cộng	536.068.001.512	53.493.654.966	589.561.656.478

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	175.373.207.373	294.553.313.565	469.926.520.938
Phải trả người bán và phải trả khác	90.514.687.208	59.143.494.545	149.658.181.753
Chi phí phải trả	13.744.174.630	-	13.744.174.630
Tổng cộng	279.632.069.211	353.696.808.110	633.328.877.321

Chênh lệch thanh khoản thuần	256.435.932.301	(300.203.153.144)	(43.767.220.843)
-------------------------------------	------------------------	--------------------------	-------------------------

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN***Danh sách các bên liên quan:*****Bên liên quan****Các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	Công ty mẹ
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	Thành viên
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Thành viên
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Thành viên
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Dương	Thành viên
Công ty TNHH Deluxe Taxi	Thành viên
Công ty TNHH Gia Định Taxi	Thành viên
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	Thành viên
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Long An	Thành viên
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Sóc Trăng	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	Thành viên
Công ty TNHH Mai Linh Tây Nam Bộ	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Ninh	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Lào Cai	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Thành viên
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Thành viên
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	Thành viên
Công ty TNHH Chợ Lớn Taxi	Thành viên
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Thành viên
Nhóm công ty đồng chủ tịch (là những công ty do ông Hồ Huy, Hồ Chương làm chủ tịch, nhưng không thuộc đơn vị thành viên của Tập đoàn)	Thành viên

Mối quan hệ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.597.922.292	126.021.131.152
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	97.734.194.172	110.750.960.360
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	8.228.713.456	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	635.014.664	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	-	8.945.454.540
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	-	6.264.000.002
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	60.716.250
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	18.210.381.491	11.238.396.660
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	4.603.004.092	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	13.377.801.272	8.511.123.932
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	104.000.000	2.727.272.728
Công Ty Cổ phần TM DV Thiết Kế và In Bao Bi Năng Động	34.472.727	-
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	71.753.400	-
Công ty TNHH Kiểm định đồng hồ Sài Gòn taxi	19.350.000	-
Chi phí tài chính	-	3.934.860.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	3.934.860.000
Doanh thu tài chính	1.749.797.917	2.148.703.391
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	1.412.397.917	1.881.763.391
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	91.700.000	245.700.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	245.700.000	-
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	-	21.240.000

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc:

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	3.363.726.016	1.200.898.585
	3.363.726.016	1.200.898.585

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Phải thu khách hàng	2.500.000.000	1.280.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	2.500.000.000	1.280.000.000
Phải thu khác	289.231.108.662	251.571.742.962
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	231.039.606.873	204.509.788.298
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	21.061.108.556	20.947.108.556
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	10.333.517.070	111.276.405
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	22.390.216.667	22.055.320.592
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	20.878.030	6.878.000
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	26.413.675	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	1.102.016.129	403.500.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Nam Bộ	163.500.000	163.500.000
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	374.736.581	74.736.581
Công ty TNHH Mai Linh Đồng Nai	11.825.020	13.825.020
Công ty TNHH Mai Linh Nha Trang	2.245.061	-
Công ty TNHH Mai Linh Đà Lạt	145.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Đắk Lắk	500.000	-
Công ty TNHH Mai Linh Huế	200.000	-
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	-	500.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Dương	-	309.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	-	1.999.061
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	-	192.774.192
Công ty TNHH MTV Mai Linh Long An	-	135.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	-	26.413.675
Công ty TNHH MTV Mai Linh Sóc Trăng	-	44.922.582
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Nam Bộ	-	163.500.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Ninh	-	66.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Đà Nẵng	-	2.000.000
Ông Hồ Huy	2.704.200.000	1.844.200.000
Cho vay ngắn hạn	17.650.000.000	11.650.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	8.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	2.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo):

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Phải trả khác	15.180.823.428	33.820.949.588
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	2.529.721.712	1.646.342.693
Công ty Cổ phần SX và TM Mai Linh	114.461.038	114.461.038
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	6.111.778.360	25.463.562.545
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	34.093.800	25.929.630
Công ty TNHH MTV Kiểm định Đồng hồ Sài Gòn Taxi	21.285.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiết kế và In Bao bì	14.058.000	17.880.000
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	10.677.020	25.004.980
Công ty TNHH Địa ốc Mai Linh	6.650.000	-
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải HK Mai Linh	95.355.900	164.389.700
Công ty Cổ phần TD Mai Linh - Viettel	3.182.499	-
Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ An Ninh	48.300.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Lào Cai	-	52.657.865
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Mai Linh	-	114.461.038
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	-	5.000.000
Công ty TNHH MTV Kiểm định Đồng hồ Sài Gòn taxi	-	-
Ông Hồ Chương	6.191.260.099	6.191.260.099
Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	16.626.000.000	16.626.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	1.920.000.000

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202"), hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 202 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

	<u>Số đã báo cáo</u>	<u>Số điều chỉnh/ phân loại lại</u>	<u>Số trình bày lại</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Báo cáo kết quả kinh doanh			
Thu nhập khác (i)	62.356.230.295	(27.152.838.625)	35.203.391.670
Chi phí khác (i)	29.491.091.266	(27.152.838.625)	2.338.252.641
	91.847.321.561	-	37.541.644.311

(i) Điều chỉnh giảm giá trị còn lại của tài sản thanh lý trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiêu thụ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy,
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. SỐ LIỆU SO SÁNH (Tiếp theo)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Số đã báo cáo	Số điều chỉnh/ phân loại lại	Số trình bày lại
	VND	VND	VND
Tài sản			
Dầu tư ngắn hạn	76.574.154.134	(76.574.154.134)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	346.000.000	346.000.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	11.650.000.000	11.650.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	387.281.786.119	75.012.781.637	462.294.567.756
Tài sản ngắn hạn khác	10.434.627.503	(10.434.627.503)	-
Đầu tư dài hạn khác	68.961.000.000	(68.961.000.000)	-
Phải thu về cho vay dài hạn	-	50.415.000.000	50.415.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	18.546.000.000	18.546.000.000
Phải thu dài hạn khác	-	3.078.654.966	3.078.654.966
Tài sản dài hạn khác	3.078.654.966	(3.078.654.966)	-
Tổng	546.330.222.722	-	546.330.222.722
Công nợ và nguồn vốn			
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	79.050.000.000	79.050.000.000
Doanh thu chưa thực hiện (dài hạn)	79.050.000.000	(79.050.000.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	14.177.807.308	13.622.869.503	27.800.676.811
Quỹ dự phòng tài chính	13.622.869.503	(13.622.869.503)	-
Tổng	106.850.676.811	-	106.850.676.811



Nguyễn Phương Thơm
 Người lập biểu

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2015



Trịnh Thị Thu
 Kế toán trưởng



Hồ Chương
 Tổng Giám đốc

Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +84 4 6288 3568
Fax: +84 4 6288 5678

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel : +84 8 3910 0751
Fax: +84 8 3910 0750

www.deloitte.com/vn

© 2015 Deloitte Việt Nam